

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2026/DS-PT

Ngày 15-04-2026

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh

Ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/DSPT ngày 04/03/2026 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 03 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Tại điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Sơn La.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972, số căn cước công dân: 033172004780 cấp ngày 03/04/2021 và ông Lê Ngọc H, sinh năm 1966, số căn cước công dân 033066004424 cấp ngày 03/04/2021. Địa chỉ: Số I, đường L, Tổ A phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Cà Văn Đ, sinh năm 1959 số căn cước công dân: 010459000087 cấp ngày 20/08/2021 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 số căn cước công dân: 033158003840 cấp ngày 06/08/2021. Địa chỉ: Tổ G Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L.
- Cán bộ Tòa án: Ông Chăm Việt H1 - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Lê Ngọc H trình bày:*

Gia đình ông bà có nhận chuyển nhượng đất của ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L vào năm 2004, theo thỏa thuận 20m mặt đường QL6 cũ sâu vào phía sau hết đất (đến suối). Hai bên đã giao tiền và giao đất xong và bà Nguyễn Thị C, ông Lê Ngọc H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 003/QSĐĐ 1374/QĐ-UB ngày 25/12/2004, tờ bản đồ G4/S; thửa số 3; diện tích 400m² loại đất thổ cư, địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên Lê Ngọc H và được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE372223, số vào sổ GCN CS00410, QĐ số 992/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 08/11/2018, tờ bản đồ 3; thửa số 7; diện tích 1.097m², trong đó có 400m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm là 697m², địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị C.

Đến khoảng tháng 5/2024 gia đình hai ông bà và ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L cùng thuê máy xúc san ủi mặt bằng đất của hai nhà, sau khi san xong thì ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L đã đóng cọc bê tông rào dây thép gai chắn trước thửa đất của gia đình ông bà. Hai bên đã gặp nhau để giải quyết và đưa lên UBND xã để hòa giải nhưng không được.

Nay bà Nguyễn Thị C, ông Lê Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L tháo dỡ cọc bê tông rào dây thép gai chắn trước thửa đất của gia đình ông bà.

Bà Nguyễn Thị C, ông Lê Ngọc H cung cấp chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 003/QSĐĐ 1374/QĐ-UB ngày 25/12/2004, tờ bản đồ G4/S; thửa số 3; diện tích 400m², loại đất thổ cư, địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên Lê Ngọc H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE372223, số vào sổ GCN CS00410, QĐ số 992/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 08/11/2018, tờ bản đồ 3; thửa số 7; diện tích 1.097m²,

trong đó có 400m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm là 697m², địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C.

Hai ông bà có ý kiến về việc phản tố của bị đơn ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L cho rằng bìa mới của gia đình ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C cấp thừa phía trước 69cm, phía sau 1,47m và trả lại đất; Trả lại đất trước mặt đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là 242,3m²; Đền bù 02 cây nhãn 20 năm tuổi ở phía trước đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C:

Về việc cấp thừa phía trước 69cm, phía sau 1,47m thì thực tế khi đo đất gia đình ông bà Đức L1 chỉ mốc giới và trước kia ông Đ nhất trí cho thêm phía sau 1m. Khi đường QL6 mới đường đi qua bị chéo nên phía trước thừa đất giáp đường bị chéo mới dài 20,69m, đề nghị giữ nguyên.

Về trả lại đất trước mặt đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là 242,3m²: Đây là diện tích đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông, phía trước nhà ai thì nhà đó được quyền sử dụng không phải đất ông bà Đức L1. Nên không thể trả cho ông bà Đức L1 được.

Về đền bù 02 cây nhãn 20 năm tuổi ở phía trước đất ông bà trước không nằm trong đất có bìa đỏ năm 2004, khi chặt đã thông báo cho ông bà Đức L1 và hai ông bà đã lấy gỗ làm củi, nên không đền bù. Thực tế hai cây nhãn nằm trong diện tích đất thuộc chỉ giới giao thông.

** Bị đơn ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Hai ông bà công nhận năm 2004 đã chuyển nhượng đất cho ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C theo thỏa thuận 20m mặt đường QL6 cũ sâu vào phía sau hết đất (đến suối). Hai bên đã giao tiền, giao đất xong và bà Nguyễn Thị C, ông Lê Ngọc H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 003/QSĐĐ 1374/QĐ ngày 25/12/2004, tờ bản đồ G4/S; thửa 3; diện tích 400m², loại đất thổ cư, địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên Lê Ngọc H. Năm 2018 cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE372223, số vào sổ GCN CS00410, QĐ số 992/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 08/11/2018, tờ bản đồ 3; thửa số 7; diện tích 1.097m², trong đó có 400m² đất ở và đất trồng cây lâu năm là 697m², địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C.

Năm 2024 gia đình ông bà thấy gia đình ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C có giấy chứng nhận năm 2018 không đúng thỏa thuận mua bán năm 2004, nên có yêu cầu phân xử như sau:

Bìa mới của gia đình ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C cấp thừa phía trước 69cm, phía sau 1,47m phải trả lại đất cho ông bà; Trả lại đất trước mặt đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là 242,3m²; Đền bù 02 cây nhãn 20 năm tuổi ở phía trước đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS - ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La, xét xử và quyết định:*

Căn cứ Điều 100, điểm b khoản 2 Điều 106, Điều 170, khoản 3 Điều 188, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013 và khoản 1 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024; Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C.

Buộc ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ cọc bê tông rào dây thép gai chắn để trả lại hành lang giao thông và quyền đi lại của người có đất phía trước là hành lang giao thông. Cụ thể: 08 cọc, Loại cọc bê tông cốt thép đúc 15x15cm, cao 1,5m; trên cọc có ghim 04 lượt dây thép gai; vị trí tường rào cách trục đường QL6 mới là 7,35m, nằm trên hành lang giao thông QL6 mới.

Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L về yêu cầu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới của gia đình ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C cấp thừa phía trước 69cm, phía sau 1,47m phải trả lại đất cho ông bà; Trả lại đất trước mặt đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là 242,3m²; Đền bù 02 cây nhãn 20 năm tuổi ở phía trước đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/02/2026, bị đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

* Tại phiên tòa phúc thẩm

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Giữ nguyên đơn khởi kiện, không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS - ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Sơn La.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 15/10/2025. TAND khu vực 1 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp. Đến ngày 20/10/2025 bị đơn có yêu cầu phản tố; ngày 22/10/2025, TAND khu vực 1 thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn; như vậy yêu cầu phản tố của bị đơn đưa ra sau khi Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ (lần 1) và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý là chưa đảm bảo theo điều 200 BLTTDS. Lẽ ra, sau khi bị đơn có yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm cần mở lại phiên họp công khai chứng cứ (lần 2) để thông báo cho các bên đương sự biết rồi mới thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn mới đảm bảo theo quy định. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L. Đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DSST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và ông Lê Ngọc H yêu cầu bị đơn ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ cọc bê tông rào dây thép gai để trả lại hành lang giao thông và quyền đi lại của người có đất phía trước là hành lang giao thông. Bị đơn ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn: Cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới của gia đình ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C cấp thừa phía trước 69cm, phía sau 1,47m phải trả lại đất cho ông bà; Trả lại đất trước mặt đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là 242,3m²; Đền bù 02 cây nhãn 20 năm tuổi. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 1- Sơn La là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La là có căn cứ, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/02/2026, bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La. Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các đương sự đều xác nhận nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp do gia đình ông Lê Ngọc H, bà Nguyễn Thị C nhận chuyển nhượng đất của ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L vào năm 2004, theo thỏa thuận 20m mặt đường QL6 cũ sâu vào phía sau hết đất (đến suối). Hai bên đã giao tiền và giao đất xong và bà Nguyễn Thị C, ông Lê Ngọc H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số: 003/QSĐĐ 1374/QĐ-UB ngày 25/12/2004, tờ bản đồ G4/S; thửa 3; diện tích 400m², loại đất thổ cư, địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên Lê Ngọc H và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE372223, số vào sổ GCN CS00410, QĐ số 992/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 08/11/2018, tờ bản đồ 3; thửa số 7; diện tích 1.097m², trong đó có 400m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm là 697m², địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, mang tên ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị C.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về việc không nhất trí phải tháo dỡ cọc bê tông rào dây thép gai chắn để trả lại hành lang giao thông và quyền đi lại của người có đất phía trước là hành lang giao thông:

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định vị trí tường rào theo quốc lộ 6 mới như sau: Phần tường rào chắn trước mặt đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là 08 cọc; Loại cọc bê tông cốt thép đúc 15x15cm; trên cọc có ghim 04 lượt dây thép gai; vị trí tường rào cách tim đường QL6 mới là 7,35m, nằm trên hành lang giao thông QL6 mới.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định vị trí hành lang giao thông của quốc lộ 6 cũ như sau: Sau khi dùng máy xúc đào xác định đường QL6 cũ rộng mặt đường nhựa là 4,5m (tính từ hướng đi từ Sơn La lên T) thì hành lang giao thông phía bên phải đường có phần tường rào chắn trước mặt đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là 08 cọc; Loại cọc bê tông cốt thép đúc 15x15cm; trên cọc có ghim 04 lượt dây thép gai; vị trí tường rào cách tim đường QL6 cũ phía Sơn La 9,89m; vị trí tường rào cách tim đường QL6 cũ phía Thuận Châu 15,11m, nằm trên hành lang giao thông QL6 cũ.

Căn cứ vào Bản đồ địa chính xã C ký hiệu 364485-7, tờ số 3 năm 2020 được cơ quan thẩm quyền về quản lý đất đai là Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh S phê duyệt ngày 18/8/2020. Được xác định chỉ giới hành lang giao thông từ tim đường ra là 20m mỗi bên. Và không nằm trong đất của hai gia đình mà nằm trong phần đất hành lang giao thông thuộc quyền quản lý của nhà nước.

Từ các căn cứ nêu trên, xác định rào chắn của gia đình ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L trước đất của ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị C nằm trên đất hành lang an toàn giao thông. Việc rào chắn hành lang an toàn giao thông là trái quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm buộc ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ cọc bê tông rào dây thép gai chắn để trả lại hành lang giao thông và quyền đi lại của gia đình ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị C là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu trả lại diện tích đất trước mặt đất của ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là khoảng 243,3m²:

Căn cứ sơ đồ đo thửa đất năm 2020 có xác nhận của Chủ tịch UBND xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La và có xác nhận của chủ đất ông Cà Văn Đ.

Căn cứ vào Bản đồ địa chính xã C ký hiệu 364485-7, tờ số 3 năm 2020 được cơ quan thẩm quyền về quản lý đất đai là Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh S phê duyệt ngày 18/8/2020.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất nằm trên hành lang giao thông QL6 cũ.

Từ những căn cứ nêu trên xác định vị trí diện tích 242,3m² này đều nằm trên diện tích hàng lang an toàn giao thông QL6 cũ và QL6 mới. Không nằm trong phần đất của nguyên đơn và bị đơn.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả lại đất trước mặt đất của ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là khoảng 243,3m² của bị đơn là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới của gia đình ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C cấp thừa phía trước 69cm, phía sau 1,47m phải trả lại đất cho ông bà.

Căn cứ sơ đồ đo thửa đất năm 2020 có xác nhận của Chủ tịch UBND xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La và có xác nhận của chủ đất Cà Văn Đ. Và theo Bản đồ địa chính xã C ký hiệu 364485-7, tờ số 3 năm 2020 được cơ quan thẩm quyền về quản lý đất đai là Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh S phê duyệt ngày 18/8/2020 (Diện tích nằm trong chỉ giới giao thông của thửa số 2, 7 và số 15 là 1.764,0m²). Được xác định vị trí và diện tích sử dụng của hai gia đình được nhà nước cấp và phê duyệt, công nhận quyền sử dụng đất như sau:

Đối với đất của gia đình ông Cà Văn Đ gồm: Thửa số 2; diện tích 703,7m² loại đất trồng cây hàng năm. Thửa số 5; diện tích 2.399,8m² loại đất trồng cây hàng năm. Thửa số 15; diện tích 3.551,9m² (loại đất trồng cây hàng năm là 3.151,9m² và 400m² đất ở). Thửa số 14; diện tích 1.061,1m² loại đất trồng cây

hàng năm (nay hai thửa này đã được chỉnh lý là thửa 15). Tổng diện tích là 7.716,5m².

Như vậy so với diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri AA 302834, vào sổ cấp GCN số 002/QSDD 1374/QĐ ngày 25/12/2004, tờ bản đồ G4/S; thửa 1, 2, 3a; Tổng diện tích 5.449m², trong đó 400 m² đất thổ cư, địa chỉ: Bản H, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Mang tên Cà Văn Đ. Diện tích đất được nhà nước công nhận tăng hơn là 2.267,5m².

Đối với đất của gia đình ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C là:

Thửa số 7; diện tích 1.097m², trong đó có 400m² đất ở và đất trồng cây lâu năm là 697m². So với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 003/QSDD 1374/QĐ-UB ngày 25/12/2004, tờ bản đồ G4/S; thửa 3; diện tích 400m² loại đất thổ cư. Diện tích đất được nhà nước công nhận thêm đất trồng cây lâu năm là 697m².

Căn cứ vào kết quả xem xét tại chỗ sơ đồ thửa đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C: Xác định sơ đồ vị trí chiều dài phía giáp mặt đường như sau: Sau khi dùng máy xúc đào xác định đường QL6 cũ rộng mặt đường nhựa là 4,5m (tính từ hướng đi từ Sơn La lên T) thì phía giáp QL6 mới từ tim đường là 20m; có chiều dài 20,69m (từ mép trái QL6 cũ đến mép phải QL6 cũ) tương ứng với chiều dài 20m (đọc theo mép trái QL6 cũ) phù hợp với thỏa thuận mua bán đất năm 2004 giữa ông bà H, C với ông bà Đức L1. Đồng thời không ảnh hưởng hoặc xâm phạm đến diện tích thuộc quyền sử dụng đất của gia đình ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu đền bù 02 cây nhãn 20 năm tuổi ở phía trước đất ông bà Lê Ngọc H và Nguyễn Thị C.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định có 01 gốc nhãn bị chặt cắt mọc cành non nằm trên phần đất có tường rào chắn trước đất của ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị C, không tìm được vị trí gốc nhãn thứ 2. Xét trên thực tế vị trí gốc nhãn đang nằm trên vị trí đất hàng lành an toàn giao thông do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Sơn La.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Cà Văn Đ, bà Nguyễn Thị L đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DSST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân huyện khu vực 1 - Sơn La.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

Bị đơn ông Cà Văn Đ và bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2026).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a, 7b và điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 1;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 1 – Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KTNV, TT và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền

